

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Hướng dẫn quy đổi tương đương tín chỉ học tập của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM sang Hệ thống chuyển đổi và tích lũy của tín chỉ Châu Âu (ECTS)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 465/QĐ-BGDĐT ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2023 – 2025 cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐT ngày 08 tháng 01 năm 2021 của Hội đồng trường ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh; Nghị quyết số 118/NQ-HĐT ngày 27 tháng 01 năm 2023 và Nghị quyết số 136/NQ-HĐT ngày 14 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng trường về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức hoạt động của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 132/NQ-HĐT ngày 14 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng trường về việc công tác cán bộ lãnh đạo Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1727/QĐ-ĐHSPKT ngày 06 tháng 9 năm 2021 về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 2378/QĐ-ĐHSPKT ngày 24 tháng 8 năm 2022 về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

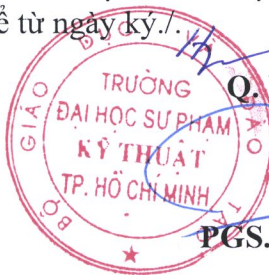
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Hướng dẫn quy đổi tương đương tín chỉ học tập của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh sang Hệ thống chuyển đổi và tích lũy tín chỉ Châu Âu (ECTS).

Điều 2. Trường phòng Đào tạo, Trường các đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện đào tạo, các đơn vị có liên quan, các cán bộ viên chức, sinh viên và học viên cao học của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- BGH (để chỉ đạo);
- Lưu VT, ĐT (7b).



Q. HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Lê Hiếu Giang

HƯỚNG DẪN

Quy đổi tương đương tín chỉ học tập của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh sang hệ thống chuyển đổi và tích lũy tín chỉ Châu Âu (ECTS)

(Kèm theo Quyết định số 847/QĐ-ĐHSPKT ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh)

1. Nội dung về Hệ thống chuyển đổi và tích lũy của tín chỉ Châu Âu (ECTS)

- Theo Hệ thống chuyển đổi và tích lũy tín chỉ Châu Âu (European Credit Transfer and Accumulation System – ECTS), các trường Đại học tham gia tiến trình Bologna¹ áp dụng ECTS để tính khối lượng học tập của sinh viên và so sánh khối lượng học tập giữa các chương trình đào tạo nhằm chuyển đổi, công nhận kết quả học tập của sinh viên trong các chương trình trao đổi học tập giữa các trường thành viên và theo hệ thống đào tạo của các quốc gia khác nhau. Theo tiến trình Bologna, chương trình giáo dục đại học và sau đại học được áp dụng tại Châu Âu:
 - + Trình độ cử nhân: 180 – 240 tín chỉ ECTS (tối thiểu 60 tín chỉ ECTS mỗi năm học), hoàn thành trong vòng 3 năm;
 - + Trình độ thạc sĩ: 90 – 120 tín chỉ ECTS (tối thiểu 60 tín chỉ ECTS mỗi năm học), hoàn thành trong vòng 1,5 năm đến 2 năm;
 - + Trình độ tiến sĩ: không có quy định số tín chỉ ECTS cụ thể vì các ngành khác nhau về độ dài và tính toàn diện, hoàn thành trong vòng 2,5 năm đến 4 năm.
- Một năm học 60 tín chỉ ECTS tương đương với 1.500 – 1.800 giờ tổng khối lượng công việc, bao gồm cả giờ nghe giảng, giờ làm bài tập có hướng dẫn, giờ thực tập trong phòng thí nghiệm, giờ tự học ở nhà;
- Tùy thuộc vào quốc gia, 01 ECTS có thể tương đương trung bình từ 25 giờ đến 30 giờ học tập trên lớp, thực hành, thí nghiệm, thực tập, tự học:
 - + Tại Áo, Ý và Tây Ban Nha: 1 ECTS = 25 giờ học;
 - + Tại Phần Lan: 1 ECTS = 27 giờ học;
 - + Tại Hà Lan, Bồ Đào Nha: 1 ECTS = 28 giờ học;
 - + Tại Cộng hòa Liên bang Đức, Bỉ, Romania, Hungary: 1 ECTS = 30 giờ học;
- 01 giờ học được tính bằng 60 phút.

¹ Căn cứ tài liệu hướng dẫn sử dụng hệ thống chuyển đổi và tích lũy tín chỉ Châu Âu (ECTS users' guide 2009)



2. Quy định tín chỉ học tập tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh

Theo Khung trình độ Quốc gia Việt Nam:

- Trình độ đại học (Bậc 6): khối lượng học tập tối thiểu là 120 tín chỉ;
- Trình độ thạc sĩ (Bậc 7): khối lượng học tập tối thiểu là 60 tín chỉ;
- Trình độ tiến sĩ (Bậc 8): khối lượng học tập tối thiểu là 90 tín chỉ.

Theo Quyết định số 1727/QĐ-ĐHSPKT ngày 06 tháng 9 năm 2021 về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHSPKT TP. HCM) (Chương 1, điều 3, mục 4) và theo Quyết định số 2378/QĐ-ĐHSPKT ngày 24 tháng 08 năm 2022 về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (Chương 1, điều 2, mục 5):

a. Tín chỉ là đơn vị quy chuẩn dùng để lượng hóa khối lượng học tập của người học. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 – 45 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 45 – 90 giờ thực tập tại cơ sở; 45 – 60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, đề án, khóa luận, luận văn tốt nghiệp. Một tiết học được tính bằng 50 phút.

b. Đối với những học phần lý thuyết, thực hành, thí nghiệm, thực tập tại trường để tiếp thu được một tín chỉ người học phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân.

Như vậy, có thể tính khối lượng học tập của người học tại Trường như sau:

2.1. Đối với trình độ Đại học

- 01 tín chỉ lý thuyết (bao gồm học phần lý thuyết tích hợp) hoặc đồ án/khóa luận tốt nghiệp, người học cần dành 15 tiết x 50 phút + 30 giờ tự học = 42,5 giờ;

- 01 tín chỉ thực hành tin học/thí nghiệm người học cần dành từ 30 tiết x 50 phút + 30 giờ tự học = 55 giờ;

- 01 tín chỉ thực tập xưởng/ thực tập ngoài trường người học cần dành từ 45 tiết x 50 phút + 30 giờ tự học = 67,5 giờ.

2.2. Đối với trình độ Thạc sĩ

- 01 tín chỉ lý thuyết người học cần dành 15 tiết x 50 phút + 30 giờ tự học = 42,5 giờ;

- 01 tín chỉ thực hành /thí nghiệm/thực tập tại trường người học cần dành từ 30 tiết x 50 phút + 30 giờ tự học = 55 giờ;

- 01 tín chỉ thực tập ngoài trường người học cần dành từ 50-60 giờ;

- 01 tín chỉ Chuyên đề/Đề án/Luận văn tốt nghiệp người học cần dành từ 50-60 giờ.

3. Công thức tính quy đổi của Trường ĐHSPKT TP. HCM sang ECTS như sau:

Do mỗi tín chỉ ECTS được tính từ 25 đến 30 giờ học tùy theo các quốc gia khác nhau ở Châu Âu và tùy theo quy định riêng của từng trường, nhà trường thống nhất chọn mức 28 giờ

cho mỗi tín chỉ ECTS để làm cơ sở cho việc quy đổi tương đương tại Trường ĐHSPKT TP. HCM.

3.1. Đối với trình độ Đại học

- 01 tín chỉ lý thuyết hoặc đồ án, khóa luận tốt nghiệp tương đương với 1,5 ECTS (đã làm tròn);
- 01 tín chỉ thực hành tin học, thí nghiệm tương đương với 2,0 ECTS (đã làm tròn);
- 01 tín chỉ thực tập xưởng, thực tập ngoài trường tương đương với 2,4 ECTS (đã làm tròn).

3.2. Đối với trình độ Thạc sĩ

- 01 tín chỉ lý thuyết với 1,5 ECTS (đã làm tròn);
- 01 tín chỉ thực hành, thí nghiệm, thực tập tại trường, thực tập ngoài trường tương đương với 2,0 ECTS (đã làm tròn);
- 01 tín chỉ Chuyên đề/Đề án/Luận văn tốt nghiệp tương đương với 2,0 ECTS (đã làm tròn).

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị các đơn vị phản hồi với nhà trường thông qua phòng Đào tạo để kịp thời cập nhật, bổ sung./.

